

Số: 242/2016/TT-BTC

Hà Nội, ngày 11 tháng 11 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam

Căn cứ Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật phí và lệ phí ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 và Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 7 năm 2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 07 năm 2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư, kinh doanh chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý giá và Chủ tịch Ủy ban chứng khoán Nhà nước,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm: các tổ chức kinh doanh chứng khoán (công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty chứng khoán nước ngoài tại Việt Nam, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam), ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam theo quy định của pháp luật.

2. Các tổ chức, cá nhân sử dụng dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán được cung cấp bởi các tổ chức cung cấp dịch vụ chứng khoán nêu tại khoản 1 Điều này.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán

1. Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán được quy định chi tiết tại Biểu giá và Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Căn cứ vào mức giá tối đa, khung giá quy định tại Thông tư này, các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Điều 2 Thông tư này quyết định mức giá cụ thể phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá, pháp luật có liên quan.

2. Giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán quy định tại Thông tư này là giá không chịu thuế giá trị gia tăng theo quy định tại điểm c khoản 8 Điều 5 Luật Thuế giá trị gia tăng và văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có):

3. Khi thu tiền dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán, tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và văn bản thay thế hoặc văn bản đã được sửa đổi, bổ sung (nếu có).

4. Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ, sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật thì phần còn lại tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật.

5. Đối với các dịch vụ khác không quy định tại Biểu giá, các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán được tự định giá dịch vụ do mình cung ứng phù hợp với thực tế cung ứng dịch vụ và quy định của pháp luật về giá, pháp luật có liên quan.

6. Các tổ chức cung cấp dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán phải thực hiện niêm yết giá, công khai giá, chấp hành theo quy định của pháp luật về giá, pháp luật về chứng khoán, và văn bản hướng dẫn có liên quan.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 và thay thế Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí hoạt động chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh dịch vụ chứng khoán; Thông tư số 216/2013/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 38/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2011; khoản 4 Điều 14 Thông tư 183/2011/TT-BTC ngày 16 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc thành lập và quản lý quỹ mở và khoản 8 Điều 1 Thông tư số 15/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 1 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 183/2011/TT-BTC.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn bổ sung. ✓

Nơi nhận: 

- Thủ tướng Chính phủ, các Phó thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Công báo;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Kho bạc Nhà nước các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Website Chính phủ;
- Website BTC;
- Lưu: VT, QLG (400).


Trần Văn Hiếu

**BIỂU GIÁ DỊCH VỤ TRONG LĨNH VỰC CHỨNG KHOÁN ÁP DỤNG
TẠI CÁC TỔ CHỨC KINH DOANH DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN, , NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI THAM GIA THỊ
TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 242/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

STT	TÊN GIÁ DỊCH VỤ	MỨC GIÁ	ĐƠN VỊ CUNG ỨNG DỊCH VỤ	ĐỐI TƯỢNG TRẢ
1	Giá dịch vụ bảo lãnh phát hành	Từ 0,5% đến 2% tổng giá trị bảo lãnh phát hành đối với cổ phiếu	Công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại	Tổ chức phát hành
2	a) Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ (áp dụng cho cả chứng khoán đăng ký giao dịch tại Upcom)	Từ 0,15% đến 0,5% giá trị giao dịch.	Công ty chứng khoán	Khách hàng
	b) Giá dịch vụ môi giới mua, bán cổ phiếu, chứng chỉ quỹ trong trường hợp thoái phần vốn nhà nước	Tối đa không quá 0,03% giá trị giao dịch và tối đa không quá 3 tỷ đồng /01 lần giao dịch. Trường hợp đặc biệt mà chi phí cung cấp dịch vụ vượt mức tối đa, các đơn vị báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét, quyết định theo quy định của pháp luật về giá và pháp luật liên quan.		
3	Giá dịch vụ quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Tối đa 2%/giá trị tài sản ròng của quỹ (NAV) hoặc giá trị tài sản ròng của danh mục/năm	Công ty quản lý quỹ	Quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng

4	Giá dịch vụ giám sát tài sản của quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng	Tối đa 0,15% giá trị tài sản giám sát	Ngân hàng giám sát	Quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
5	Giá dịch vụ đại diện người sở hữu trái phiếu	Tối đa 0,1% tổng giá trị trái phiếu phát hành	Ngân hàng thương mại tham gia thị trường trái phiếu	Tổ chức phát hành trái phiếu
6	Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ đóng, cổ phiếu của công ty đầu tư chứng khoán đại chúng		Công ty quản lý quỹ	Quỹ đóng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng
a)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán dưới 500 tỷ đồng	2%/vốn huy động/đợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu		
b)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán trên 500 tỷ đồng đến dưới 1000 tỷ đồng	1,5%/vốn huy động/đợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu		
c)	Tổng giá trị chứng chỉ quỹ, cổ phiếu chào bán từ 1000 tỷ đồng trở lên	1%/vốn huy động/đợt phát hành chứng chỉ quỹ, cổ phiếu		
7	Giá dịch vụ phát hành chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF	Tối đa 5%/giá trị giao dịch	Công ty quản lý quỹ	Khách hàng
8	Giá dịch vụ mua lại, chuyển đổi chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF	Tối đa 3%/giá trị giao dịch	Công ty quản lý quỹ	Khách hàng
9	Giá dịch vụ thanh toán bù trừ tiền giao dịch chứng khoán		Ngân hàng thanh toán	Thành viên lưu ký, tổ chức mở tài khoản trực tiếp

a)	Cổ phiếu, chứng chỉ quỹ	0,01% giá trị thanh toán bù trừ ròng của từng thành viên/phương thức thanh toán/ngày thanh toán, nhưng tối thiểu không thấp hơn 5.000 đồng/ngày/thành viên, tối đa 300.000 đồng/ngày/thành viên		
b)	Trái phiếu	0,001% giá trị thanh toán bù trừ ròng của từng thành viên/phương thức thanh toán/ngày thanh toán, nhưng tối thiểu không thấp hơn 5.000 đồng/ngày/thành viên, tối đa 300.000 đồng/ngày/thành viên		
10	Giá dịch vụ đấu giá	Từ 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá cổ phần/mỗi loại chứng khoán đến 0,3% trên tổng giá trị cổ phần và các loại chứng khoán thực tế bán được.	Các tổ chức (không phải là Sở giao dịch chứng khoán) được phép tổ chức bán đấu giá cổ phần và các loại chứng khoán theo quy định của pháp luật	Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có cổ phần và các loại chứng khoán được bán đấu giá theo quy định của pháp luật